

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3095/UBND-KT**

Bình Định, ngày **19** tháng 6 năm 2017

V/v báo cáo kết quả thực hiện và kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa của tỉnh Bình Định

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Thực hiện Văn bản số 4063/BNNT-TT ngày 18/5/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc lập báo cáo kết quả thực hiện và kế hoạch chuyển đổi cây trồng trên đất lúa; sau khi tiến hành kiểm tra, rà soát và tổng hợp kết quả thực hiện (năm 2016) và kế hoạch (năm 2017-2020) chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa trên địa bàn Bình Định theo các nội dung yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản nêu trên, UBND tỉnh Bình Định xin báo cáo cụ thể như sau:

1. Kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa thực hiện theo Thông tư số 19/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn chi tiết Điều 4 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 về quản lý sử dụng đất trồng lúa (cụ thể như phụ lục I đính kèm).

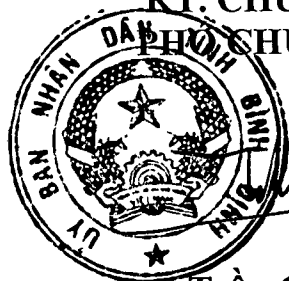
2. Xây dựng kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa cho năm 2017 và giai đoạn 2018-2020 trên cơ sở lợi thế về điều kiện tự nhiên, thị trường tiêu thụ, hiệu quả kinh tế và đảm bảo an ninh lương thực (cụ thể như phụ lục II đính kèm).

UBND tỉnh Bình Định báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT xem xét, tổng hợp. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Trồng trọt;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở NN&PTNT;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K10. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH**



Trần Châu

Phụ lục I

**KẾT QUẢ CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA
NĂM 2016 VÀ KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SANG CÂY TRỒNG HÀNG
NĂM NĂM 2017**

(Kèm theo Văn bản 2302/UBND-KT, ngày 19/6/2017 của UBND tỉnh Bình Định)



STT	Loại cây trồng chuyển đổi	Diện tích (ha)			
		Tổng số	Trên loại đất trồng lúa		
			3 vụ lúa	2 vụ lúa	1 vụ lúa
(1)	(2)	(3) = (4 + 5 + 6)	(4)	(5)	(6)
I. Kết quả năm 2016		4.707,9	3.194,7	1.099,7	413,5
1	Ngô	1.051,2	705,2	253,0	93,0
2	Đậu tương	-	-	-	-
3	Rau	921,2	638,1	173,1	110,0
4	Hoa	-	-	-	-
5	Vùng	866,7	815,2	41,0	10,5
6	Lạc	1.384,2	994,1	380,1	10,0
7	Mía	-	-	-	-
8	Cây thức ăn chăn nuôi	54,1	34,1	12,0	8,0
9	Cây khác	430,5	8,0	240,5	182,0
10	Lúa - thủy sản	-	-	-	-
II. Kế hoạch năm 2017		5.128,8	3.144,6	1.537,7	446,5
1	Ngô	1.400,5	827,0	413,5	160,0
2	Đậu tương	5,0	0	0	5,0
3	Rau	848,0	372,0	311,0	165,0
4	Hoa	-	-	-	-
5	Vùng	798,5	745,0	42,0	11,5
6	Lạc	1.533,6	1.097,6	426,0	10,0
7	Mía	13,0	13,0	0	0
8	Cây thức ăn chăn nuôi	315,0	0	250,0	65,0
9	Cây khác	195,2	80,0	85,2	30,0
10	Lúa - thủy sản	-	-	-	-
11	Cây lâu năm *	20,0	10,0	10,0	0,0
12	Cây dược liệu *	-	-	-	-

Ghi chú: * Dự tính quy mô diện tích chuyển đổi cho từng loại cây trồng chủ lực và các cây trồng khác. Với cây hàng năm tính theo diện tích gieo trồng dự kiến chuyển đổi, với cây lâu năm tính theo diện tích đất canh tác.

(Chữ ký)



Phụ lục II
KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG TRÊN ĐẤT LÚA
THAI ĐOẠN 2018-2020

(Kèm theo Văn bản Số 3373/UBND-KT, ngày 19/6/2017 của UBND tỉnh Bình Định)

STT	Loại cây trồng chuyển đổi	Diện tích (ha)			
		Tổng số	Trên loại đất trồng lúa		
			3 vụ lúa	2 vụ lúa	1 vụ lúa
(1)	(2)	(3=4+5+6)	(4)	(5)	(6)
1	Diện tích đất lúa còn lại đến cuối năm 2016	43.048,5	19.408,7	21.445,3	2.194,5
2	Kế hoạch chuyển đổi 2018-2020	16.874,1	9.943,0	5.256,1	1.675,0
a	Năm 2018	5.326,4	3.253,0	1.542,4	531,0
	Cây hàng năm*	5.256,4	3.233,0	1.492,4	531,0
	Cây lâu năm*	70,0	20,0	50,0	0
b	Năm 2019	5.647,4	3.323,0	1.777,4	547,0
	Cây hàng năm	5.597,4	3.313,0	1.737,4	547,0
	Cây lâu năm	50,0	10,0	40,0	0
c	Năm 2020	5.900,4	3.367,0	1.936,4	597,0
	Cây hàng năm	5.865,4	3.357,0	1.911,4	597,0
	Cây lâu năm	35,0	10,0	25,0	0

Ghi chú: * Dự tính quy mô diện tích chuyển đổi cho từng loại cây trồng chủ lực và các cây trồng khác bao gồm cả cây dược liệu. Với cây hàng năm tính theo diện tích gieo trồng của cây trồng dự kiến chuyển đổi, với cây lâu năm tính theo diện tích đất canh tác.